

Bản án số: 02/2022/HS-ST

Ngày: 14 - 01- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Thao

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thế Anh

Ông Vũ Văn Thi

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Lê Trịnh Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 81/2021/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2021/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh ngày 17 tháng 10 năm 1994, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị V; chưa có vợ con; tiền án: Có 01 tiền án, tại Bản án số 22/2020/HSST ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (chưa được xóa án tích); tiền sự: Có 01 tiền sự: Ngày 17/6/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng ra Quyết định số 81 về việc Áp dụng biện pháp giáo dục tại xã trong thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo bị tạm giữ ngày 22/9/2021 đến ngày 01/10/2021 chuyển tạm giam, có mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1990; trú tại: Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T, địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- *Người làm chứng*: Anh Nguyễn Xuân B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do đã quan sát từ trước, vào khoảng 03 giờ ngày 17/9/2021, Nguyễn Văn N rủ em trai là Nguyễn Xuân B, sinh năm 2002 đi xe đạp từ nhà ở xã An Hưng đến thôn Đông, Nông Xá, xã Tân Tiến, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng để trộm cắp tài sản. Khi đến ngõ nhà anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1990, N phát hiện có 02 cánh cổng sắt dựng ngoài ngõ nên đã bảo B dừng xe lại để vào lấy. N vào bê 01 cánh cổng ra xe rồi bảo B ngồi sau giữ cánh cổng để N chở đi. Hai anh em chở cánh cổng lấy trộm được đưa đến điểm thu mua phế liệu của bà Nguyễn Thị T ở thôn D, xã T để ở bên ngoài rồi đạp xe về nhà. Sáng cùng ngày, N và B quay lại bán cánh cổng cho bà T được 320.000 đồng rồi đi mua ma túy sử dụng và ăn tiêu hết.

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 22/9/2021, N và B tiếp tục đi xe đạp đến ngõ nhà anh Q. Thấy cánh cổng sắt còn lại vẫn để ở vị trí cũ nên đã bàn nhau lấy trộm. Nam đi vào bê cánh cổng đưa ra để lên xe rồi hai anh em chở đến bán cho bà T được 320.000 đồng. Sau đó hai anh em đạp xe đi mua ma túy sử dụng hết 200.000 đồng, mua thuốc lá hết 10.000 đồng, trên đường về nhà qua xã Tân Tiến thì bị anh Q phát hiện và báo cho Công an xã Tân Tiến đưa về trụ sở làm việc. Tại Công an xã Tân Tiến, N và B khai nhận hành vi của mình nêu trên. Công an xã Tân Tiến đã lập biên bản tạm giữ chiếc xe đạp và số tiền 110.000 đồng của N. Chiều cùng ngày, bà Nguyễn Thị T cũng đã tự nguyện giao nộp lại cho cơ quan Công an 02 cánh cổng sắt do N và B trộm cắp đem bán.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 01/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xác định: Chất lượng sử dụng còn lại của 02 cánh cổng sắt là 40%, tổng giá trị của 02 cánh cổng là 1.760.000 đồng.

Sau khi tiến hành điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại 02 cánh cổng sắt cho anh Nguyễn Văn Q, anh Q không có yêu cầu gì khác.

Bản Cáo trạng số 84/CT-VKSAD ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N với mức án từ 18 đến 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/9/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác nên không đề nghị xem xét.

Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đối với chiếc xe đạp của Nguyễn Văn N sử dụng vào việc phạm tội và số tiền 110.000 đồng do phạm tội mà có, đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung trên và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật; bị cáo nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên không có ý kiến gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng tại phiên tòa: Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu; người làm chứng đã có lời khai, vì vậy căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

- Về tội danh:

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ kết luận: Vào các ngày 17/9/2021 và 22/9/2021, tại thôn Đông, Nông Xá, xã Tân Tiến, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Nguyễn Văn N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 02 cánh cổng sắt của anh Nguyễn Văn Q. Theo Kết luận định giá tài trong tố tụng hình sự thì tổng trị giá tài sản bị cáo

đã chiếm đoạt là 1.760.000 đồng. Bị cáo đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích (tại Bản án số 22/2020/HSST ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản), lần này bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản. Vì vậy, hành vi của bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

[4] Tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu ở địa phương. Nhân thân bị cáo có 01 tiền án và 01 tiền sự đều chưa được xóa, lại tiếp tục phạm tội do cố ý. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm mới có tác dụng giáo dục cải tạo và răn đe để phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn N thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản, trị giá tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt là 1.760.000 đồng, do trước đó bị cáo đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản nên hành vi Trộm cắp tài sản lần này bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm. Vào các ngày 17/9/2021 và 22/9/2021, bị cáo Nguyễn Văn N đã 02 lần thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt chính: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên”. Mặt khác bị cáo là người có nhân thân xấu, có một tiền án và một tiền sự đều chưa được xóa, hành vi phạm tội lần này thể hiện bị cáo là người không có ý thức sửa chữa lỗi lầm, coi thường pháp luật nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, do đó cần xử phạt bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt được áp dụng như đề nghị của Viện Kiểm sát là có cơ sở.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Xét thấy, các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập thường xuyên. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Nguyễn Văn Q đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên không xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 640.000 đồng nên không xét.

[10] Về xử lý vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Văn Q 02 cánh cổng sắt nên không xét. Đối với chiếc xe đạp bị cáo Nguyễn Văn N sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền 110.000 đồng thu giữ của bị cáo N là số tiền có được từ việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[11] Về các vấn đề khác: Trong vụ án này, Nguyễn Xuân B tuy có 02 lần tham gia trộm cắp tài sản cùng với Nguyễn Văn N nhưng giá trị tài sản chưa đến 2.000.000 đồng, bản thân B chưa bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản và chưa bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản nên Công an huyện An Dương đã ra quyết định xử lý vi phạm hành chính là có cơ sở.

[12] Đối với bà Nguyễn Thị T khi mua 02 cánh cổng sắt không biết là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là có cơ sở.

[13] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn N 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày 22 tháng 9 năm 2021.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn N.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 chiếc xe đạp mini thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn N và số tiền 110.000 đồng.

(Tình trạng đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) được quyền kháng cáo phần có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự.
Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Công an huyện An Dương;
- Phòng PV 06; Phòng PC 10 CATP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện An Dương;
- Trại tạm giam - Công an TP Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thao